

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2013/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý,
sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất;

Căn cứ Quyết định số 18/2011/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất tỉnh tại Tờ trình số 11/TTr-QPTĐ ngày 07/11/2012, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 284/BC-STP ngày 20/12/2012, đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1729/SNV ngày 28/12/2012 và Công văn số 190/SNV ngày 23/02/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giao Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và

Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

**Tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng
Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND
ngày 06/3/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về tổ chức, hoạt động và quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Điều lệ).

Điều 2. Vị trí và chức năng

1. Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi.
2. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
4. Trụ sở làm việc của Quỹ đặt tại thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.
2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức và hoạt động của tổ chức Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trong Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
2. Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.
3. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này.
4. Báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.
5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.
6. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.
7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh giao.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định; thực hiện chi hỗ trợ theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh; thực hiện thu hồi các khoản chi hỗ trợ theo quy định.
3. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.
4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn hoặc hỗ trợ.
5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ.
6. Căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và nhiệm vụ được giao, ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ bao gồm:

- a) Hội đồng quản lý Quỹ;
- b) Ban kiểm soát Quỹ;
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 05 (năm) thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là một Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ;
- c) 03 thành viên khác là lãnh đạo các Sở: Tài chính, Tài nguyên & Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư.

2. Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Riêng Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các nguồn thu từ đất và nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

6. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.

7. Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

8. Trình UBND tỉnh quyết định phương án biên chế, chế độ tiền lương, tiền thưởng theo cơ chế tài chính quy định tại Điều 27 của Điều lệ này; phương án tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Căn cứ quyết định của UBND tỉnh về phương thức tổ chức hoạt động của Quỹ, quyết định tổ chức các đơn vị nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

10. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch UBND tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình và họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì cuộc họp.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Ban kiểm soát Quỹ

Ban kiểm soát Quỹ có 03 (ba) thành viên, gồm có:

1. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ là lãnh đạo của sở, ngành không phải là thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. 01 Phó Trưởng Ban kiểm soát và 01 thành viên khác là trưởng hoặc phó các phòng, ban thuộc các sở, ngành không phải là thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ và không được kiêm nhiệm các nhiệm vụ của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch UBND tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh.

7. Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 13. Cơ cấu tổ chức và chế độ làm việc của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ bao gồm:

a) Giám đốc;

b) Phó Giám đốc (01 - 02);

c) Kế toán trưởng;

d) Các phòng nghiệp vụ gồm có:

- Phòng Kế toán - Tổng hợp;

- Phòng Kế hoạch và nghiệp vụ Quỹ.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

Điều 14. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

2. Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

4. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch UBND tỉnh;

5. Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

6. Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ.

7. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật.

8. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

9. Ban hành các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các phòng nghiệp vụ sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ; quy chế chi tiêu nội bộ; quy trình nghiệp vụ liên quan đến việc ứng vốn; hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của Quỹ theo các quy định của Nhà nước.

10. Quản lý, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm viên chức của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phù hợp với chức danh chuyên môn, tiêu chuẩn ngạch viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của UBND tỉnh.

11. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

Điều 16. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các phòng nghiệp vụ

1. Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Phó Giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền cho Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ.

3. Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Các phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quy định cụ thể sau khi có ý kiến thống nhất của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ quyết định.

Chương IV **LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP**

Điều 17. Lao động và tuyển dụng lao động

1. Việc tuyển dụng lao động (viên chức) theo chỉ tiêu biên chế sự nghiệp của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của UBND tỉnh.

2. Ngoài chỉ tiêu biên chế sự nghiệp của Quỹ được giao, tùy theo yêu cầu nhiệm vụ và khả năng nguồn thu của Quỹ, Giám đốc Quỹ được phép sử dụng một số lao động hợp đồng và thực hiện chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động và chế độ phụ cấp

1. Người lao động tại Quỹ được hưởng tiền lương, các khoản phụ cấp và tiền thưởng theo quy định của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật về lao động.

Người lao động thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ những thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã ký với người sử dụng lao động và Điều lệ, nội quy, kỷ luật của Quỹ, các quy định của tỉnh và pháp luật hiện hành.

3. Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và các thành viên Ban kiểm soát Quỹ được hưởng theo quy định của pháp luật.

Chương V **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ VÀ CƠ CHẾ NHẬN ỦY THÁC**

Điều 19. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ bao gồm vốn nhà nước cấp và các nguồn vốn khác.

2. Mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ khi thành lập do UBND tỉnh quyết định. Việc thay đổi mức vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động, căn cứ vào đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh quyết định theo quy định của Luật Ngân sách.

3. Hàng năm, UBND tỉnh trích từ 30% đến 50% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) để hình thành vốn nhà nước giao cho Quỹ quản lý sử dụng theo quy định. Mức trích cụ thể do UBND tỉnh quyết định căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được HĐND tỉnh quyết định.

4. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tín dụng khác, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá.

b) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

c) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch.

d) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất.

đ) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu.

e) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại các huyện, thành phố có đất bị thu hồi.

2. Mức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này do Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Giám đốc Quỹ quyết định theo phân cấp tại Điều lệ của Quỹ.

3. Mức chi hỗ trợ cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều này do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 21. Trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ

1. Điều kiện ứng vốn, chi hỗ trợ: Quỹ chỉ thực hiện ứng vốn, chi hỗ trợ khi các tổ chức nhận vốn ứng có đủ các điều kiện sau:

a) Là các tổ chức được giao nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này.

b) Dự án đầu tư được duyệt và dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tổ chức được ứng vốn có cam kết hoàn trả vốn ứng theo quy định.

2. Trình tự ứng vốn, chi hỗ trợ.

a) Lập kế hoạch ứng vốn: Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được giao nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này, lập kế hoạch ứng vốn cùng với thời điểm lập kế hoạch ngân sách gửi Quỹ Phát triển đất tỉnh để Giám đốc Quỹ tổng hợp báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ.

Căn cứ nguồn vốn UBND tỉnh cấp, Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ứng vốn theo phân cấp quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

b) Hồ sơ ứng vốn: Tổ chức nhận vốn ứng gửi công văn đề nghị kèm theo các tài liệu cơ sở của dự án (bản chính hoặc bản sao y bản chính, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung điều chỉnh). Việc ứng vốn có thể thực hiện một lần hoặc nhiều lần căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn ứng của dự án.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định ứng vốn, chi hỗ trợ

1. Giám đốc Quỹ quyết định mức ứng vốn nhỏ hơn hoặc bằng 05 (năm) tỷ đồng cho một dự án.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức ứng vốn lớn hơn 5 (năm) tỷ đồng cho một dự án.

3. Mức chi hỗ trợ cho một số nhiệm vụ do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 23. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Hoàn trả vốn ứng

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án;

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách địa phương;

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu trước khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách các cấp hoàn trả theo phân cấp phần chênh lệch.

2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ.

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả.

Điều 24. Thời hạn hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Thời hạn hoàn trả vốn ứng, chi hỗ trợ được xác định theo cam kết của đơn vị ứng vốn, chi hỗ trợ, nhưng tối đa không vượt quá thời gian trong quyết định phê duyệt dự án; trường hợp trong quyết định phê duyệt dự án không quy định thời gian hoàn thành dự án, thì thời gian hoàn trả vốn ứng, chi hỗ trợ không quá 12 tháng kể từ ngày ứng vốn, chi hỗ trợ.

2. Căn cứ phương án hoàn trả vốn ứng, chi hỗ trợ và thời hạn ứng vốn, chi hỗ trợ của dự án, Quỹ có trách nhiệm đôn đốc thu hồi vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ của các tổ chức được ứng vốn, chi hỗ trợ. Trường hợp quá thời hạn đơn vị ứng vốn, chi hỗ trợ không hoàn trả, thì Quỹ Phát triển đất báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 25. Phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này, Quỹ được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

1. Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).
2. Đối với các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).
3. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước.

Điều 26. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.
2. Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác thuộc tỉnh.
3. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác và được hạch toán vào nguồn thu của Quỹ. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

Chương VI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 27. Cơ chế tài chính

Quỹ thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của cơ quan tài chính có thẩm quyền.

Điều 28. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:
 - a) Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;
 - b) Phí ứng vốn theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này;
 - c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có);
 - d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận ủy thác;

đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm nguồn vốn nhà nước giao cho Quỹ quy định tại Điều 19 của Điều lệ này.

Điều 29. Nội dung chi

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp và văn bản hướng dẫn thực hiện.

b) Chi cho cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ theo chế độ quy định;

c) Chi không thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quy định; tinh giản biên chế theo chế độ (nếu có); đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ đột xuất do UBND tỉnh giao và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

d) Hàng quý và cuối năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được chi trả thu nhập tăng thêm và trích các quỹ khác theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn và hỗ trợ quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 30. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 31. Khen thưởng

Những tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Điều lệ này đều được xem xét khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 32. Kỷ luật

Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm Điều lệ này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Điều lệ này áp dụng cho Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Ngãi. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Điều lệ này.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Hội đồng Quản lý Quỹ đề nghị UBND tỉnh quyết định và chỉ được thực hiện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện Điều lệ này nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, Giám đốc Quỹ tổng hợp, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cao Khoa